TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG TÂY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2020/DS-ST
Ngày: 29/4/2020
Về việc "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thanh Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Năm.

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quí - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 230/2019/TLST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2020/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2020/QĐST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Văn Th, sinh năm 1968 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Khu phố 5, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Thành V, sinh năm 1964 (vắng mặt);

2.2. Bà Nguyễn Thu M, sinh năm 1964 (xin vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lê Văn Th trình bày: Năm 2017, vợ chồng ông Nguyễn Thành V, bà Nguyễn Thu M mua vật liệu xây dựng tại cửa hàng vật liệu xây dựng Hữu Tín do ông làm chủ để làm nhà ở. Ngày 11/02/2018, bà M có làm tờ biên nhận do bà M viết và

ký tên xác nhận vợ chồng bà còn nợ số tiền mua vật liệu xây dựng để xây nhà ở 118.000.000 đồng, hẹn đến ngày 10/01/2018 (âm lịch) sẽ trả 30.000.000 đồng, phần còn lại hẹn đến cuối tháng 02/2018 (âm lịch) sẽ trả đủ, nhưng sau đó vợ chồng ông V, bà M không thực hiện lời hứa.

Ngày 01/9/2018, hòa giải tại ấp B, xã B thì bà M cũng đồng ý trả nợ, xin trả thành 03 lần: ngày 01/10/2018 trả 18.000.000 đồng, ngày 25/12/2018 (âm lịch) trả 50.000.000 đồng và ngày 04/5/2019 (âm lịch) trả 50.000.000 đồng. Tại buổi hòa giải bà M còn viết tờ cam kết với nội dung thừa nhận còn nợ số tiền 118.000.000 đồng, hẹn trả 03 lần với thời gian như tại Biên bản hòa giải của ấp, nhưng ghi họ tên dưới chữ ký là Nguyễn Thị M; sau đó cũng không trả nợ.

Ông Th yêu cầu ông V, bà M cùng có nghĩa vụ liên đới trả số tiền còn nợ gốc 118.000.000 đồng và lãi tính từ ngày 11/02/2018 đến ngày tuyên án với mức lãi suất 0,83%/tháng; trả 01 lần ngày sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại Biên bản hòa giải ngày 25/3/2020 của Tòa án, ông Th rút lại yêu cầu tính lãi đối với số nợ của ông V, bà M.

Ngoài ra không còn yêu cầu gì khác.

* Quá trình tố tụng, bị đơn bà Nguyễn Thu M trình bày:

Bà và ông Nguyễn Thành V là vợ chồng. Bà thống nhất vào năm 2017, vợ chồng bà có mua vật liệu xây dựng của cửa hàng vật liệu xây dựng Hữu Tín do ông Th làm chủ để xây dựng nhà ở chung và còn nợ lại số tiền 118.000.000 đồng. Do làm kinh tế thất bại nên đến nay vợ chồng bà chưa trả được nợ cho ông Th.

Ngày 01/9/2018, hòa giải tại ấp B, xã B bà cũng thừa nhận nợ và xin trả thành 03 lần, đồng thời bà có viết tờ cam kết trả nợ như ông Th trình bày; ngoài ra tờ biên nhận ngày 11/02/2018 mà ông Th cung cấp cho Tòa án cũng do bà viết và ký tên. Bà tên là Nguyễn Thu M, tên thường gọi là Nguyễn Thị M nên trong các văn bản xác nhận nợ mà ông Th nộp cho Tòa án có văn bản bà ghi là Nguyễn Thu M, có văn bản bà ghi là Nguyễn Thi M.

Bà đồng ý trả cho ông Th số tiền 118.000.000 đồng, nhưng do hiện hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng liên tục cho đến khi hết nợ, xin không trả lãi.

Ngoài ra không còn yêu cầu gì khác.

* Bị đơn ông Nguyễn Thành V đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng ông V không đến Tòa án, cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên không kiến nghị gì về tố tụng.

Về nội dung: Yêu cầu của ông Th là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử xem

xét quyết định chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Các bị đơn có nơi cư trú tại ấp Bình Hòa Đông, xã Bình Nhì, huyện Gò Công Tây nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang theo điểm a khoản 1 Điều 35 và và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Ông Th và bà M có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa; ông V đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt ông Th, bà M và ông V.

[3] Xét yêu cầu của ông Th đòi ông V, bà M trả số tiền 118.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ông V, bà M vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên tại tờ tự khai của bà M, Biên bản lấy lời khai và Biên bản hòa giải của Tòa án (BL: 19, 20, 39) thì bà M thừa nhận hiện còn nợ ông Th số tiền như ông Th trình bày.

Đối với ông V thì sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án đúng theo quy định của pháp luật cho ông V, trong đó có nêu rõ số tiền mua vật liệu xây dựng còn nợ mà ông Th yêu cầu ông V, bà M cùng có nghĩa vụ liên đới phải trả; cùng với tài liệu chứng cứ xác định số nợ kèm theo đơn khởi kiện là bản sao Biên bản hòa giải ngày 01/9/2018 của ấp B, xã B, tờ cam kết ngày 01/9/2018 và tờ biên nhận ngày 11/02/2018 do bà M viết và ký tên nhưng ông V không thể hiện ý kiến phản đối với yêu cầu cũng như tài liệu chứng cứ của nguyên đơn.

Khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: *"Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh"*. Như vậy, việc ông V, bà M có mua vật liệu xây dựng của ông Th và còn nợ số tiền 118.000.000 đồng là có thật.

Ông V, bà M là người có đầy đủ năng lực hành vi và năng lực pháp luật, tham gia giao dịch với ý chí tự nguyện nên hợp đồng mua bán giữa ông Th và ông V, bà M là có hiệu lực pháp luật. Trong hợp đồng này, bà M đã nhiều lần hứa hẹn trả tiền cho ông Th nhưng đến nay vẫn không trả tiền cho ông Th là đã vi phạm sự thỏa thuận giữa hai bên. Theo khoản 1 Điều 440 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: *"Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng"*, do vậy ông Th có quyền yêu cầu ông

V, bà M trả hết số tiền còn nợ để bảo vệ quyền lợi cho mình là phù hợp được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: *"Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận"*. Trong vụ án này, yêu cầu của ông Th được chấp nhận toàn bộ nên ông V, bà M phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Quan điểm của của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 430, 440 của Bộ luật dân sự; khoản 1 và khoản 3 Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Th.

Buộc ông Nguyễn Thành V và bà Nguyễn Thu M cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Lê Văn Th số tiền 118.000.000 đồng (một trăm mười tám triệu đồng).

2. Về án phí:

Ông Nguyễn Thành V và bà Nguyễn Thu M cùng có nghĩa vụ liên đới nộp 5.900.000 đồng (năm triệu chín trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho ông Lê Văn Th số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 3.488.600 đồng (ba triệu bốn trăm tám mươi tám ngàn sáu trăm đồng) theo biên lai thu tiền số 0016168 ngày 05/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) và kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Lê Văn Th, ông Nguyễn Thành V và bà Nguyễn Thu M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tống đạt bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Tây;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thanh Phú